

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 23-12-2021

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như

Các Thẩm phán:

Ông Ngôn Ngọc Viên

Ông Nông Hà Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Nha - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2021/TLPT-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2021 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 04/2021/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Cao Bằng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 102/2021/QĐ-PT ngày 06 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lương Thị T, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Xóm P, xã C, huyện B, tỉnh Cao Bằng (Có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Lục Văn H, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Xóm N, xã C, huyện B, tỉnh Cao Bằng (Có mặt)

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Lục Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H về chung sống với nhau từ năm 2011. Anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Anh chị sống chung một nhà với mẹ và hai anh trai của anh H tại xóm N, xã C, huyện

B, tỉnh Cao Bằng. Sau đó, hai anh trai anh H lập gia đình và các cặp vợ chồng chung sống cùng nhau trong một nhà. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Sau một thời gian chung sống thì xảy ra mâu thuẫn với nguyên nhân anh H uống rượu say rượu về hay chửi mắng chị, đập phá đồ đạc trong gia đình. Từ đầu năm 2018 chị và anh trai, chị gái của anh H xảy ra mâu thuẫn, anh trai anh H đổ lỗi cho chị từ khi về làm dâu thì gia đình mới xảy ra cãi nhau và yêu cầu chị rời khỏi ngôi nhà này; Đổ oan cho chị cầm dao đuổi mẹ chồng ngã xuống lề đường. Chị gái anh H nói rằng nếu mẹ chồng chị xảy ra việc gì thì chị phải chịu trách nhiệm.

Khi có mâu thuẫn với anh trai và chị gái thì anh H không quan tâm, không tìm cách hóa giải mâu thuẫn. Chị thấy cuộc sống tại nhà anh H có nhiều áp lực nên tháng 7/2018 chị đưa con gái về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ của chị tại xóm P, xã C, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Thời gian đầu, khi sống ly thân, anh H có đến đón chị, chị có yêu cầu gọi lãnh đạo xóm và gia đình nhà chồng cùng trao đổi, thỏa thuận ký biên bản cam kết thì chị quay trở về chung sống nhưng không đạt được kết quả. Từ đó, chị và con sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ của chị đến nay. Chị xác định tình cảm của mình dành cho anh H không còn, nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Có 01 (Một) con chung tên là Lục Thị Minh A sinh ngày 14/3/2014. Hiện nay cháu đang sống cùng với chị tại xã C, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng với số tiền là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, chị giữ nguyên yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T về chung sống với nhau từ năm 2011. Anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Mâu thuẫn phát sinh từ chị T và anh chị của anh. Anh trai, chị gái anh chửi chị T, có hôm chửi vào ban đêm anh nói lại thì chị T không cho nói vì sợ xảy ra cãi nhau với anh trai. Khi anh uống rượu, vì chị T nhắc nhiều nên anh mới chửi chị T một vài câu. Khi chị T về nhà mẹ đẻ để sinh sống, anh biết và cũng chỉ nghĩ giận nhau nên về nhà mẹ đẻ một vài hôm. Sau đó, anh cũng đến đón mẹ con chị T rất nhiều lần, nhưng chị T không đồng ý quay về. Anh có gọi điện thoại, nhắn tin với chị T nhưng nội dung cũng chỉ tranh cãi, chửi nhau. Chị T muốn được ly hôn với anh, anh không đồng ý ly hôn, anh còn có tình cảm với chị T, muốn chị T quay về chung sống, mâu thuẫn là do anh trai, chị gái của anh với chị T. Hiện tại, chị T không có tình cảm thì quay về chung sống dần dần sẽ có tình cảm nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 (Một) con chung tên là Lục Thị Minh A, sinh ngày 14/3/2014. Tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải và tại phiên tòa anh

không đồng ý ly hôn nên anh không trình bày ý kiến về việc ai sẽ trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vụ án đã được hòa giải nhưng không thành.

Tại bản án số 04/2021/HNGĐ-ST ngày 10/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Cao Bằng đã Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị T; Chị Lương Thị T được ly hôn anh Lục Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lục Thị Minh A, sinh ngày 14/3/2014 cho chị Lương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh H không cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được phép cản trở.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 27/9/2021, bị đơn Lục Văn H có đơn kháng cáo không nhất trí với phần quyết định của bản án sơ thẩm số 04/2021/HNGĐ-ST ngày 10/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Cao Bằng xử cho chị T ly hôn anh H.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Lục Văn H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Mâu thuẫn giữa tôi và vợ tôi trong cuộc sống thường ngày chưa đến mức trầm trọng do vậy đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết cho tôi với vợ tôi được đoàn tụ để cùng nuôi dạy con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị Lương Thị T không nhất trí với yêu cầu kháng cáo của anh H, đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng, người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Quan nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua nghe tranh luận của các bên đương sự tại phiên tòa, có đủ căn cứ để không chấp nhận đơn kháng cáo của anh Lục Văn H. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số

04/2021/HNGĐ-ST ngày 10/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Cao Bằng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Chị Lương Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lục Văn H. Anh H có địa chỉ tại xã C, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện B thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật.

[2] *Về tính hợp pháp của kháng cáo:* Tòa án cấp sơ thẩm xét xử ngày 10/9/2021, ngày 27/9/2021 bị đơn Lục Văn H gửi đơn kháng cáo gửi đến Tòa án. Xét thấy ngày 27/9/2021 là ngày làm việc đầu tiên sau ngày nghỉ, như vậy đơn kháng cáo gửi trong hạn luật định, đương sự đã nộp tiền tạm ứng án phí đúng thời hạn. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật.

[3] *Xét kháng cáo và các căn cứ kháng cáo của bị đơn Lục Văn H.*

Nội dung kháng cáo: Anh Lục Văn H cho rằng mâu thuẫn giữa anh với chị Lương Thị T chưa đến mức trầm trọng, do vậy đề nghị HĐXX xem xét lại bản án sơ thẩm cho anh được đoàn tụ với chị T.

Quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án, xem xét lời khai của nguyên đơn, bị đơn HĐXX nhận thấy: Cuộc sống chung của anh chị có nhiều mâu thuẫn phát sinh từ mối quan hệ với anh em trong gia đình. Khi xảy ra mâu thuẫn, anh chị không giải bày tâm sự cùng nhau để tìm cách giải quyết, mỗi người giải quyết một cách khác nhau và không đồng nhất với nhau nên mâu thuẫn xảy ra càng trầm trọng hơn. Vợ chồng không hiểu nhau, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không chia sẻ, và không còn tin tưởng lẫn nhau. Từ tháng 7/2018 anh chị sống ly thân, thời gian đầu khi sống ly thân anh H có đến đón chị T và cháu Ánh nhưng chị T không đồng ý. Từ đó, anh chị không hề có hành động nào thể hiện sự nỗ lực níu kéo tình cảm, ai biết bổn phận của người đó. Hiện nay, hai người vẫn sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Cuộc sống hôn nhân của chị T và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung đã không duy trì, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Như vậy Tòa án sơ thẩm chấp nhận cho chị T được ly hôn anh H là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn Lục Văn H kháng cáo, nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo. Do đó cần phải giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện viện kiểm sát tỉnh Cao bằng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

[4] *Về án phí*: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn Lục Văn H không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Bác đơn kháng cáo của ông Lục Văn H. Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình số 04/2021/HNGĐ-ST ngày 10/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Cao Bằng.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị T; Chị Lương Thị T được ly hôn anh Lục Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lục Thị Minh A, sinh ngày 14/3/2014 cho chị Lương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh H không cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được phép cản trở.

3. Về án phí:

Chị Lương Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Lương Thị T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0002938 ngày 16/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Cao Bằng.

Anh Lục Văn H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm, xác nhận anh H đã nộp 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0002950 ngày 27/9/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Cao Bằng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh CB;
- CCTHADS huyện B;
- TAND huyện B;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Như

